

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 21/6/2019  
“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Lệ Thi;

2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 05/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2019/TLST - HN ngày 08 tháng 04 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST - HN ngày 24 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST – HN ngày 07/6/2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*

Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 1022, tổ 24, ấp P, xã D, huyện C, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:*

Anh Lê Thanh H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ 26, khóm L, phường M, thành phố D, tỉnh An Giang.

*Người làm chứng:*

Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1950.

Địa chỉ: Tổ 26, khóm L, phường M, thành phố D, tỉnh An Giang.

Chị Lê Thị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

Anh Lê Thanh H vắng mặt;

Bà Nguyễn Thị A có yêu cầu xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Đ, trình bày:*

Chị Lê Thị Đ và anh Lê Thanh H tự tìm hiểu yêu thương nhau và đi kết hôn năm 2002. Hôn nhân đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thị xã (nay là thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang ngày 25/02/2002.

Sau hôn nhân vợ chồng sống được 17 năm, thời gian đầu có hạnh phúc, đến khoảng tháng 4/2018 anh H không lo làm ăn, chị nhiều lần khuyên, anh H không nghe mà còn xúc phạm chị. Nay tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị có yêu cầu ly hôn anh H.

Về con chung: Chị (Đ) và anh H sanh được 02 con chung tên: Lê Trọng Đ, sinh ngày 10/07/2003 và Lê Trọng Ph, sinh ngày 22/12/2007. Chị đang nuôi dạy con chung, chị xin tiếp tục nuôi dạy và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị A cho biết: Lê Thị Đ là con dâu của bà, Đ và Lê Thanh H (con trai bà) và hai cháu nội Lê Trọng Đ, sinh ngày: 10/7/2003 và Lê Trọng Ph, sinh ngày 22/12/2007 đã không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Bà đã nhận Thông báo thụ lý vụ án số 142/TB – TA ngày 08/4/2019 và 02 Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 95/TB – TA ngày 08/4/2019 và số 105/TB – TA ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, bà đã thông báo cho H biết việc Đ khởi kiện ly hôn, H trả lời: “ Không biết tới, ai muốn làm gì thì làm”.

Tòa án đã triệu tập chị Đ và anh H đến Tòa án tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng việc hòa giải không tiến hành được do anh H không đến và cũng không giao nộp ý kiến theo yêu cầu kiện của nguyên đơn.

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang và được ông Nguyễn Văn S – Phó Ban khóm L, phường M, thành phố D cung cấp: Chị Lê Thị Đ và anh Lê Thanh H đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 26, khóm L, phường M, thành phố D, tỉnh An Giang. Chị Đ không còn sống chung với anh H từ năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng thì không biết.

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị Lê Thị Đ; bà Nguyễn Thị A và kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Trong quá trình giải quyết, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị Đ và anh H đi đến hôn nhân vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thị xã Châu Đốc (nay thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang.

Chị Đ khai cuộc sống chung không hạnh phúc do anh H không lo làm ăn, chị nhiều lần khuyên, anh H không nghe mà còn xúc phạm chị và hiện cả hai đã không còn sống chung với nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Đ xin ly hôn anh H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Chị Đ và anh H sống chung sanh 02 con chung tên: Lê Trọng Đ, sinh ngày 10/07/2003 và Lê Trọng Ph, sinh ngày 22/12/2007 hiện do chị Đ đang nuôi dạy và hai cháu Đ - Ph có nguyện vọng sống với chị Đ. Do đó giao hai con chung cho chị Đ nuôi dạy, chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung - nợ chung: Chị Đ khai không có, phù hợp với lời khai của bà A (mẹ của anh H) và chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

*Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Về tố tụng:*

Chị Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh H. Đồng thời, anh H cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về vắng mặt của đương sự:*

Chị Lê Thị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Lê Thanh H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

*[2] Về nội dung:*

*- Về quan hệ hôn nhân:*

Năm 2002, chị Đ và anh H đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thị xã Châu Đốc (nay thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang ngày 25/02/2002, công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chúng cứ nguyên đơn đưa ra để yêu cầu ly hôn bị đơn là cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, hiện cả hai không còn sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, chị Đ khởi kiện ly hôn anh H.

Xét, chị Đ và anh H phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống và từ năm 2018 thì cả hai không còn sống chung với nhau.

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ, chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”;

Xét thấy, chị Đ và anh H không còn sống chung với nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh H có căn cứ.

*[Về con chung]:*

Chị Đ và anh H sống chung với nhau và sanh 02 con chung tên là: Lê Trọng Đ, sinh ngày 10/07/2003 và Lê Trọng Ph, sinh ngày 22/12/2007. Chị xin nuôi con chung và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét, cháu Đ và cháu Ph đang nuôi dạy, trong lời khai hai cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ, nay cuộc sống hai cháu ổn định, nên tiếp tục giao cho chị Đ nuôi dạy hai con chung.

Chị Lê Thị Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng:*

Chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, nghĩ nên chấp nhận.

*[Về tài sản chung – nợ chung]:*

Chị Đ khai không có, phù hợp lời khai của bà A (mẹ anh H), nên không đề cập đến giải quyết (Nếu anh H có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác).

*[Về án phí]:*

Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp.

Anh Lê Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

1. *[Về quan hệ hôn nhân]:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Đ;

Chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Lê Thanh H.

2. *[Về con chung]:*

Chị Lê Thị Đ tiếp tục nuôi dạy cháu: Lê Trọng Đ, sinh ngày 10/07/2003 và Lê Trọng Ph, sinh ngày 22/12/2007, anh Lê Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *[Về án phí sơ thẩm]:*

Chị Lê Thị Đ chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007938 ngày 08 tháng 04 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Anh Lê Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Lê Thị Đ và anh Lê Thanh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- UBND P Vĩnh Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kiều Nga**